

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn huyện Hà Quảng giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025, Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hà Quảng xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Hà Quảng giai đoạn 2021-2025, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Giai đoạn 2016 - 2020 huyện đã tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, dự án của Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Chương trình 30a

Tổng kinh phí hỗ trợ: 452.517,692 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư: 363.136,692 triệu đồng, vốn hỗ trợ sản xuất: 70.493 triệu đồng, Vốn duy tu bảo dưỡng 18.888 triệu đồng, kết quả đã thực hiện được gồm 115 công trình giao thông nông thôn, y tế, giáo dục, công trình nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, nhà văn hóa xóm và duy tu bảo dưỡng cho 12 công trình đường GTNT, sửa chữa nhà công vụ giáo viên, sửa chữa đình chợ Sóc Giang, xã Sóc Hà. Triển khai thực hiện các mô hình giảm nghèo như: 05 dự án tạo việc làm công cho người nghèo thông qua việc hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn tại các xã Cần Yên, Lương Can, Yên Sơn, Cần Nông, Đa Thông, Ngọc Đào với kinh phí thực hiện 3.830 triệu đồng; 01 mô hình nông nghiệp dinh dưỡng tại 02 xã Lương Can và Quý Quân; Tổ chức mở các hội nghị, phiên chợ việc làm và xuất khẩu lao động được 61 cuộc có 5.490 lượt người tham dự, trong đó có 58 lao động đi làm việc tại các nước Ả rập xê út, Malaysia, Hàn Quốc

và Nhật Bản; Tổ chức mở được 33 lớp đào tạo các nghề nông nghiệp như: chăn nuôi gà, lợn hữu cơ, nuôi và phòng bệnh cho trâu bò; sửa chữa máy nông nghiệp, trồng cây thanh long và sơ chế gừng, nghệ; các nghề phi nông nghiệp như: sửa chữa xe máy, xây dựng gia dụng nghề cho 1.049 người lao động nông thôn; Tổ chức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thông qua hỗ trợ các loại giống cây trồng, con giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, hỗ trợ chuồng trại, hỗ trợ chăm sóc bảo vệ rừng cho các xã, thị trấn cho trên 10.000 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng lợi.

2. Chương trình 135

Tổng kinh phí hỗ trợ: 173.314,706 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 144.182,692 triệu đồng (gồm 100 công trình công trình giao thông nông thôn, y tế, giáo dục, công trình nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, nhà văn hóa xóm)

- Vốn hỗ trợ sản xuất: 21.100,854 triệu đồng, triển khai hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, máy móc, nông cụ lao động phục vụ phát triển sản xuất tại các xã đặc biệt khó khăn đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo quy định.

- Vốn duy tu bảo dưỡng: 8.031,16 triệu đồng, duy tu bảo dưỡng 38 công trình (03 công trình trụ sở làm việc xã, 19 công trình giao thông, 02 công trình thủy lợi, 13 công trình nước sinh hoạt tập trung, 01 công trình điện sinh hoạt).

3. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách khác

- Để triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo Huyện đã xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016-2020, kế hoạch từng năm để tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tại địa phương; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 và từng năm.

- Các chính sách giảm nghèo luôn được Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; đồng thời tuyên truyền để người dân hiểu và có điều kiện tiếp cận, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo. Khuyến khích hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục theo các Nghị định, Quyết định: Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2016/NĐ-CP, Quyết định số 239/2010/QĐ-TTg; có 14.477 học sinh được hỗ trợ. Tổng kinh phí thực hiện 30.287,165 triệu đồng.

Chi tiền miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP: 23 hồ sơ, với kinh phí chi trả 141.200.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ về y tế: 100% người nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người sống ở vùng đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT, đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời tạo điều kiện cho người dân để khám chữa bệnh được tốt hơn.

- Hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp lý: Thực hiện tốt chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho

người nghèo hiểu biết được quyền và nghĩa vụ của mình chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của nhà nước vươn lên thoát nghèo.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Số lượt hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện 21.332 lượt hộ, với kinh phí 11.956,618 triệu đồng; số lượt hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện 260 hộ, kinh phí 135,706 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số kinh phí đã thực hiện hỗ trợ (2016 - 2018) 7.472,792 triệu đồng; đã hỗ trợ cho 77.873 lượt người, hỗ trợ giống cây trồng (Ngô, Lạc, Dong giềng, gừng...) phân bón (đạm, lân, kali)

4. Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020

- Nhờ thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình chính sách khác đã góp phần thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện từ 59,02% đầu năm 2016 xuống còn 32,87% cuối năm 2020 (*trung bình mỗi năm giảm 5,28%*).

- Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp, người lao động nghèo còn thiếu việc làm, áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phân bổ thấp so với nhu cầu thực tế của địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 chủ yếu tập trung hỗ trợ trực tiếp cho người dân như hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư phân bón, mua sắm trang thiết bị, máy móc,... việc xây dựng mô hình điểm để nhân rộng kết quả đạt chưa cao, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo không có kinh phí quản lý nên khó khăn cho việc tổng hợp báo cáo và tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình, chủ yếu là sơ kết, tổng kết thông qua báo cáo nên hiệu quả chưa cao.

II. THỰC TRẠNG NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Số liệu đánh giá tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025, kết quả rà soát toàn huyện có 5.546 hộ nghèo, chiếm 39,59%, hộ cận nghèo có 1.681 hộ, chiếm 12%. Mặc dù đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên cơ sở hạ tầng vẫn còn thiếu, một số công trình được đầu tư xây dựng từ lâu nay đã xuống cấp cần kinh phí để duy tu, bảo dưỡng, điều kiện Kinh tế - xã hội của huyện còn rất khó khăn đặc biệt là các xã vùng cao Lục khu phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa, bên cạnh đó địa bàn huyện cũng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn hán, mất mùa, cuộc sống của người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo như: Nhà ở, nước sạch, môi trường, dinh dưỡng còn nhiều khó khăn và ở mức thấp.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15, Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, được triển khai đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở các nội dung của kế hoạch các ngành, các cấp, các đơn vị tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện của các ngành đảm bảo đúng thành phần, đúng thời gian, hiệu quả và xác định đúng trách nhiệm của các tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện chương trình.

- Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình.

2. Yêu cầu

- Trong quá trình thực hiện các phòng ban, cơ quan đơn vị và UBND các xã, thị trấn bám sát nhiệm vụ tại kế hoạch này để đề xuất các giải pháp đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, các hộ yếu thế trong cộng đồng nhằm thực hiện giảm nghèo bền vững, chống tái nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững từng bước vươn lên trở thành các hộ khá trong cộng đồng.

- Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chương trình và chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn lực đúng mục đích, đạt hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

- Trên cơ sở nguồn kinh phí dự kiến giao, các đơn vị kiểm tra, đối chiếu, xây dựng kế hoạch, chủ động triển khai thực hiện.

IV. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu đến năm 2025 huyện Hà Quảng cơ bản thoát khỏi huyện nghèo theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

2. Mục tiêu cụ thể

Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện mỗi năm từ 7,72 đến 7,75%/năm, quy mô giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm ít nhất 60% so với đầu kỳ theo kế hoạch 2162/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng, huyện Hà Quảng giao chỉ kế hoạch giảm nghèo cho các xã, thị trấn (chi tiết tại phụ lục số 01).

3. Kết quả và chỉ tiêu cần đạt được đến cuối năm 2025

3.1 Kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của chương trình

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 39,59 đầu năm 2022 xuống còn 20,66% vào cuối năm 2025.

- 100% các xã, thị trấn được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học đạt chuẩn, cơ sở y tế, công trình thủy lợi..

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng khoảng 20 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm bền vững.

- Hỗ trợ dạy nghề cho người lao động nông thôn, phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, trong đó đào tạo, dạy nghề đạt 30%.

- Hỗ trợ tạo việc làm làm cho 1.000 lao động/năm.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dự án giảm nghèo, lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

3.2 Chỉ tiêu giải quyết các thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu về việc làm được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin, thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc sống ở vùng khó khăn, người sống ở vùng đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT.

- Phân đầu tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 90%;

- Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát theo Danh sách phê duyệt đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát của tỉnh.

- Phân đầu 95% các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hội nghị tập huấn, tuyên truyền về giảm nghèo và các hình thức ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, tổ chức xây dựng chuyên mục về giảm nghèo trên trang thông tin điện tử của huyện.

- Phân đầu 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

V. PHẠM VI QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện.

d) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: đến hết năm 2025.

VI. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 376,675 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 208,514 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 168,161 tỷ đồng, cụ thể:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện

** Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện*

a) Nội dung hỗ trợ: công trình đầu tư cấp huyện, liên xã phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

- Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

b) Kinh phí thực hiện: 227,961 tỷ đồng (trong đó vốn ĐTPT: 207,237 tỷ đồng, vốn SN: 20,724 tỷ đồng).

- Ngân sách trung ương: 227,961 tỷ đồng;

c) Phân công thực hiện: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo cơ quan thường trực và lãnh đạo UBND huyện.

** Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025:*

c) Phân công thực hiện: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên tổ chức rà soát tổng hợp danh mục công trình gửi UBND tỉnh để lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về nội dung kế hoạch thực hiện và phương án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Quyết định trước khi phê duyệt đảm bảo không trùng lắp, chặt chẽ, đúng quy định và hiệu quả.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), người dân sống tại huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện, mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

b) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Kinh phí thực hiện: 46,532 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 46,532 tỷ đồng;

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

c) Kinh phí thực hiện: 20,135 tỷ đồng

- Ngân sách Trung ương: 20,135 tỷ đồng;

d) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Đối tượng:

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

c) Kinh phí thực hiện: 6,235 tỷ đồng

- Ngân sách Trung ương: 6,235 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Trung tâm GDNN-GDTX huyện;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

b) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho Trung tâm GDNN và GDTX trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

c) Kinh phí thực hiện: 10,782 tỷ đồng

- Ngân sách Trung ương: 10,782 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện - chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Đối tượng:

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn huyện, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

c) Kinh phí thực hiện: 3,547 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 3,547 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện,

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; Hỗ trợ giao dịch việc làm;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

c) Kinh phí thực hiện: 4,2 tỷ đồng(vốn đầu tư phát triển: 1,277 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 2,923 tỷ đồng)

- Ngân sách Trung ương: 4,2 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

b) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

c) Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: 50,68 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 50,68 tỷ đồng;

d) Phân công thực hiện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Kinh phí thực hiện: 1,911 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 1,911 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin - Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Đối tượng:

- Người thuộc nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống tại địa bàn huyện;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

c) Kinh phí thực hiện: 2,923 tỷ đồng;

- Ngân sách Trung ương: 2,923 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

c) Kinh phí thực hiện: 3,025 tỷ đồng;

- Ngân sách Trung ương: 3,025 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện;

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung thực hiện:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

c) Kinh phí thực hiện: 0,315 tỷ đồng;

- Ngân sách Trung ương: 0,315 tỷ đồng

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện;

VII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện thẩm định, phân bổ, hướng dẫn sử dụng, quản lý, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trên địa bàn huyện để nâng cao hiệu quả đầu tư. Chủ động nghiên cứu, xem xét, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí vốn thực hiện công tác giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 gửi phòng Tài chính theo quy định.

- Chủ trì thực hiện các dự án: Dự án 2, Dự án 4, Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và địa phương hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND huyện theo quy định.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện qua Phòng LĐ-TB&XH tổng hợp.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin; Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Chủ trì thực hiện Dự án 1, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện ban hành các hướng dẫn trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

- Theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản (gồm vốn Đầu tư tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư) và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, qua phòng LĐ-TBXH huyện tổng hợp.

6. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp. Tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

7. Trách nhiệm của các phòng, ban, ngành liên quan

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do phòng, ban, ngành quản lý;

- Các phòng, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của phòng, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn và hằng năm; hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả.

- Thực hiện rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện, cập nhật thường xuyên các nguyên nhân của hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giải quyết các chiều thiếu hụt.

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình MTQGGBNV với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để giải quyết các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin...

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở và tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm phát hiện các sai sót uốn nắn kịp thời. Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Ủy ban nhân dân huyện.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

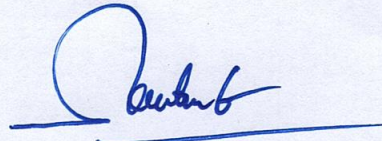
9. Đề nghị Ủy ban MTTQ các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất...và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 huyện Hà Quảng./. *ynl*

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH (Công, Yên, Bắc)

*ph***CHỦ TỊCH****Phạm Xuân Tùng**